

Số: 09/TB-VKS-HC

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO
Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận thấy việc giải quyết vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa ông Bùi Đình T (*người khởi kiện*) và UBND thành phố B (*người bị kiện*) của TAND tỉnh K tại Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 23/5/2023 có vi phạm, cần thông báo rút kinh nghiệm, cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 31/8/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5596/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ 1.059,1m² đất nông nghiệp của hộ ông Bùi Đình T (*thửa đất số 11, tờ bản đồ số 56, phường E, thành phố B*) để thực hiện Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất Trường Hành chính (cũ), phường E, thành phố B. Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5623/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (*viết tắt là Quyết định số 5623*). Theo đó, UBND thành phố B xác định diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông T không đủ điều kiện bồi thường.

Không đồng ý với phương án bồi thường trên, ông Bùi Đình T khiếu nại. Ngày 09/03/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1476/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T 80% giá trị đất (*viết tắt là Quyết định số 1476*).

Ông T cho rằng toàn bộ diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc do gia đình ông T khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1980 nên UBND thành phố B xác định không đủ điều kiện bồi thường và chỉ hỗ trợ 80% là không thoả đáng. Ông T tiếp tục khiếu nại Quyết định số 1476. Tuy nhiên, UBND thành phố B chưa giải quyết khiếu nại đã tiến hành cưỡng chế thu hồi đất. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh K giải quyết: Huỷ một phần Quyết định số 5623; một phần Quyết định số 1476 của UBND thành phố B đối với phần phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông T; buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo hướng bồi thường 100% giá trị đất cho gia đình ông.

II. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ ÁN



Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 23/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh K quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đình T.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Bùi Đình T kháng cáo.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 348/2023/HC-PT ngày 20/9/2023 quyết định tuyên xử: *“Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 23/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh K về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Giao hồ sơ cho TAND tỉnh K giải quyết lại theo quy định của pháp luật”*.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM

1. Vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

- Toàn bộ tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp đều là bản photo không có công chứng, chứng thực theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật TTHC năm 2015.

- Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của đương sự và xác nhận vào giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định tại khoản 5 Điều 61 Luật TTHC năm 2015.

- Theo lời trình bày của người bị kiện thì UBND tỉnh K là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất của Trường Chính trị và giao cho UBND thành phố B quản lý nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đưa UBND tỉnh K vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót trong việc xác định người tham gia tố tụng trong vụ án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đánh giá chứng cứ và giải quyết vụ án.

2. Vi phạm về việc thu thập tài liệu, đánh giá chứng cứ dẫn đến giải quyết vụ án chưa thực sự khách quan, làm ảnh hưởng quyền và lợi chính đáng của người khởi kiện

Về nguồn gốc đất: Người bị kiện cho rằng do năm 1984 Trường Hành chính tỉnh K lập hợp đồng kinh tế về việc liên kết trồng cây cà phê với ông Bùi Đình T. Ngày 01/02/1999, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 228/QĐ-UB (viết tắt *Quyết định 228*) thu hồi 48.720m² đất của Trường Chính trị tỉnh K và giao 30.680m² cho UBND thành phố B quản lý để thu thuế nông nghiệp của các hộ đang canh tác trong khu đất theo quy định, trong đó có diện tích thửa đất của ông T. Thế nhưng UBND thành phố B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Trường Hành chính (cũ) ký hợp đồng kinh tế liên kết trồng cà phê với hộ ông Bùi Đình T.

Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ cơ quan giao đất cho Trường Hành chính (cũ) là cơ quan nào và chưa thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh có hay không việc Trường Hành chính cũ ký hợp đồng liên kết trồng cà phê với hộ ông T để làm rõ nguồn gốc sử dụng đất và xác định căn cứ bồi thường cho hộ ông T nhưng tuyên bác

yêu cầu khởi kiện của ông T là không đúng quy định tại Điều 95 Luật TTHC năm 2015 về đánh giá chứng cứ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 thì: “Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”. Tuy nhiên, HĐXX sơ thẩm không thu thập chứng cứ thể hiện các căn cứ để xác định hộ ông Bùi Đình T là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét xác định việc bồi thường theo khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 nêu trên.

Do quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, việc thu thập tài liệu, chứng cứ không đầy đủ nhưng không thể bổ sung trong giai đoạn xét xử phúc thẩm nên HĐXX phúc thẩm quyết định huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 23/5/2023, giao hồ sơ cho TAND tỉnh K giải quyết lại theo quy định.

Trên đây là những vi phạm của TAND tỉnh K trong việc giải quyết vụ án hành chính nêu trên, mặc dù quyết định của bản án sơ thẩm là trái quan điểm đề nghị nhưng VKSND tỉnh K khi kiểm sát việc giải quyết vụ án đã không kịp thời kháng nghị và cũng không thông báo đề nghị kháng nghị phúc thẩm là chưa làm tốt công tác kiểm sát xét xử. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát, VKSND cấp cao tại Đà Nẵng thông báo đến các VKSND địa phương cùng tham khảo và rút kinh nghiệm khi kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính tương tự. /.

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Quang Dũng - PVT VKSNDTC;
- Vụ 10, Vụ 14 VKSND TC;
- Lãnh đạo VC2;
- VKS 12 tỉnh, thành trong khu vực;
- Các Viện nghiệp vụ VC2;
- Trang thông tin điện tử VC2;
- Lưu: VT, V3, HSKS.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phan Văn Tâm

Phan Văn Tâm

